

Số: 218/TB-THCSCVA

Cẩm Phả, ngày 20 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

Cấu trúc (ma trận) đề kiểm tra đánh giá năng lực học sinh tuyển sinh lớp 6 trường THCS Chu Văn An năm học 2026-2027

Căn cứ Công văn số 1225/UBND-VHXX ngày 31/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc chỉ đạo tổ chức tuyển sinh đối với các trường THCS trọng điểm, chất lượng cao và các lớp học môn tiếng Pháp; Công văn số 885/SGDDĐT-GDPT ngày 24/3/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn tuyển sinh lớp 1 và lớp 6 năm học 2026-2027; Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND phường Cẩm Phả về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh THCS năm học 2026 – 2027 trên địa bàn phường Cẩm Phả; Kế hoạch số 166/KH-THCSCVA ngày 17/4/2026 của trường THCS Chu Văn An về tuyển sinh lớp 6 năm học 2026-2027;

Để học sinh nắm rõ yêu cầu cần đạt và mức độ kiến thức làm bài kiểm tra đánh giá năng lực, trường THCS Chu Văn An đã báo cáo Phòng Văn hóa – Xã hội, UBND phường Cẩm Phả và phối hợp các trường Tiểu học trên địa bàn phường xây dựng cấu trúc (ma trận) đề kiểm tra đánh giá năng lực học sinh tuyển sinh lớp 6 trường THCS Chu Văn An năm học 2026-2027.

Trường THCS Chu Văn An trân trọng thông báo cấu trúc (ma trận) đề kiểm tra đánh giá năng lực học sinh tuyển sinh vào lớp 6 trường THCS Chu Văn An năm học 2026-2027 để học sinh nắm bắt, ôn tập, chuẩn bị tham gia kiểm tra đánh giá năng lực khi nhà trường tổ chức (*cấu trúc đề kiểm tra theo phụ lục gửi kèm công văn này*).

Trên đây là thông báo về cấu trúc (ma trận) đề kiểm tra đánh giá năng lực học sinh tuyển sinh vào lớp 6 trường THCS Chu Văn An năm học 2026-2027./.

Nơi nhận:

- UBND phường Cẩm Phả (b/c);
- Phòng VHXX phường (b/c);
- Các trường TH, THCS, TH&THCS;
- Công khai trên trang website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bắc

PHỤ LỤC

Cấu trúc (ma trận) đề kiểm tra đánh giá năng lực học sinh tuyển sinh vào lớp 6 trường THCS Chu Văn An năm học 2026 – 2027

(Kèm theo công văn số 218/TB-THCSCVA của trường THCS Chu Văn An ngày 20/05/2026)

Thời gian kiểm tra: 60 phút

Tổng điểm: 10 điểm (3 môn kiểm tra)

I. Môn Tiếng Việt

| Mạch kiến thức, kĩ năng | Số điểm | Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | | Tổng | |
|--|----------------|------------|----|------------|----|------------|-----|------------|----|
| | | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| 1. Tiếng Việt - Xác định được: danh từ, động từ, tính từ, đại từ. - Vận dụng các kiến thức đã học về từ, câu, phép liên kết, biện pháp tu từ - Đặt câu sử dụng biện pháp so sánh, nhân hóa | Số điểm | 1 | | 1,5 | | | | | |
| 2. Tập làm văn Viết đoạn văn miêu tả từ 5-7 câu | Số điểm | | | | | | 1,5 | | |
| Tổng | Số điểm | 1,0 | | 1,5 | | 1,5 | | 4,0 | |

II. Môn Toán

| Nội dung | Số câu số điểm | Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | | Tổng | |
|---|----------------|------------|----|------------|----|------------|-----|------------|----|
| | | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| 1. Số học: Các phép tính về số thập phân, phân số | Số điểm | | | 0,5 | | | 0,5 | | |
| 2. Đo lường: Chuyển đổi đơn vị đo thời gian, thể tích. Các phép tính với số đo thời gian | Số điểm | | | 1 | | | | | |
| 3. Thống kê và xác suất | Số điểm | 1 | | | | | | | |
| 4. Hình học: Giải bài toán liên quan đến diện tích, thể tích các hình đã học. | Số điểm | | | | | | 1 | | |
| Tổng | Số điểm | 1,0 | | 1,5 | | 1,5 | | 4,0 | |

III. Môn Tiếng Anh

Loại 1:

| Task | Level | | | Mark | Note |
|--|----------|----------|----------|--------------|------|
| | M1 | M2 | M3 | | |
| Question 1: Choose the word whose underlined part is pronounced differently (Chọn từ có phát âm khác với các từ còn lại) | 3 | | | 0,6 M | |
| Question 2: Choose the word that has main stress placed differently from the others (Chọn từ có cách phát âm khác với các từ còn lại) | | | 2 | 0,4 M | |
| Question 3: Complete the sentences with the correct form of the words in brackets (Hoàn thành câu với dạng đúng của từ trong ngoặc) | | 5 | | 1,0 M | |
| Total | 3 | 5 | 2 | 2,0 M | |

Loại 2:

| Task | Level | | | Mark | Note |
|--|----------|----------|----------|--------------|------|
| | M1 | M2 | M3 | | |
| Question 1: Choose the word whose underlined part is pronounced differently (Chọn từ có phát âm khác với các từ còn lại) | 3 | | | 0,6 M | |
| Question 2: Choose the word that has main stress placed differently from the others (Chọn từ có cách phát âm khác với các từ còn lại) | | 2 | | 0,4 M | |
| Question 3: Complete the sentences (Thêm từ hoàn thành các câu sau) | | 3 | 2 | 1,0 M | |
| Total | 3 | 5 | 2 | 2,0 M | |

* Cụ thể nội dung từng bài:

1. Chọn từ phát âm khác với các từ còn lại.
2. Chọn từ có trọng âm khác với các từ còn lại: Từ có 2 âm tiết, 3 âm tiết.
3. Chia động từ trong ngoặc:
 - 3.1. Thì hiện tại đơn
 - 3.2. Thì quá khứ đơn
 - 3.3. Thì tương lai đơn
 - 3.4. Thì tương lai dự định
4. Thêm từ tạo thành câu hoàn chỉnh.
Ghi nhớ các câu trúc câu:
 - + Hỏi và trả lời: Bạn đến từ quốc gia nào?
 - + Hỏi và trả lời: Bạn là người nước nào?
 - + Hỏi về vị của đồ ăn số ít và nhiều
 - + Câu hỏi khi muốn mua hàng
 - + Vị trí của trạng từ tần suất
 - + Hỏi về chỉ đường.

----- Hết -----